

Số: /QĐ-BNN-TCTS Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tập trung tỉnh An Giang**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tập trung tỉnh An Giang (DAĐT): số 675/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2019 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (DAĐT); số 3790/QĐ-BNN-KH ngày 22/9/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (DAĐT); số 4667/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/11/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng (DAĐT);

Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 214/TTr-SNNPTNT ngày 13/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang (chủ đầu tư) đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tập trung tỉnh An Giang (kèm theo các hồ sơ tài liệu); Báo cáo số 2331/BC-BQLDA ngày 08/9/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp tỉnh An Giang (đơn vị uỷ thác quản lý dự án) về Giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án DAAĐT; Văn bản số 2568/SNNPTNT-QLXDCT ngày 14/12/2022 của chủ đầu tư về việc cập nhật, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tập trung tỉnh An Giang (kèm theo Báo cáo chính điều chỉnh dự án đầu tư);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (kèm theo Báo cáo thẩm định số 1802/BC-TCTS-KHTC ngày 21/10/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh

dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tập trung tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá Tra tập trung tỉnh An Giang với các nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 4667/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Điều chỉnh khoản 10 Điều 1:

“10. Phương án xây dựng:

a) Vùng sản xuất giống xã Mỹ Phú

- Công trình cấp nước

+ Trạm bơm đầu mối: Xây dựng trên kênh Hào Đê Lớn 02 trạm bơm cấp nước, lưu lượng mỗi trạm $Q_{\text{trạm}} = 2 \times 4000 \text{ (m}^3/\text{h)}$.

+ Kênh cấp (kênh KC1): Dẫn nước từ các kênh KC2 và KC3 cấp nước cấp cho khu ao nuôi; Lưu lượng cấp là $5,4 \text{ m}^3/\text{s}$; Chiều dài khoảng 2.340m ; Kết cấu BTCT M250.

+ Kênh cấp nước (kênh KC2, KC3): Dẫn nước từ 2 trạm bơm đầu mối vào kênh cấp KC1; Lưu lượng 1 kênh là $2,22 \text{ m}^3/\text{s}$; Chiều dài khoảng 330m ; kết cấu BTCT M250.

- Nâng cấp (gia cố) đê:

+ Tuyến đê trực chính TĐ1, TĐ2: Chiều dài khoảng 2.340m , chạy dọc kênh cấp KC1, bờ đắp đất, cao trình bờ $+4.00$. Kết cấu mặt đê bê tông kết hợp giao thông ($B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$).

+ Tuyến đê TĐ4 (chạy dọc kênh cấp KC3 nối tiếp vào đê trực chính và đê Hào Đê): Chiều dài khoảng 680m , bờ đắp đất, cao trình bờ $+4.00$. Kết cấu mặt đê bê tông kết hợp giao thông ($B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$).

- Nạo vét kênh: Nạo vét kênh Hào Đê nhỏ: Cao trình đáy nạo vét -1.50 , mái nạo vét $m = 1.5$, chiều dài nạo vét khoảng 5.080m .

- Hệ thống cấp điện:

+ Đường dây trung thế 3 pha 22kV , chiều dài 2.539 m , đầu nối với tuyến trung thế thuộc trạm biến áp trung gian $110/22\text{kV}$ Cái Dầu.

+ Tổng dung lượng 1.120KVA , số lượng 02 trạm ($560\text{KVA}/\text{trạm}$)

b) Vùng sản xuất giống xã Bình Phú

- Nâng cấp (gia cố) đê: Tuyến đê bờ Đông kênh 13: Chiều dài khoảng 4.390m , bờ đắp đất, cao trình bờ đê $+4.0$, mặt đê rộng 5m . Kết cấu mặt đê bê tông kết hợp giao thông.”

- Điều chỉnh khoản 12 Điều 1:

“12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức: **211.500.000 đồng** (Hai trăm mười một tỷ, năm trăm triệu đồng), bao gồm:

- Chi phí GPMB : 40.187 triệu đồng
- Chi phí xây dựng : 132.230 triệu đồng
- Chi phí thiết bị : 8.403 triệu đồng
- Chi phí QLDA : 2.368 triệu đồng
- Chi phí tư vấn : 8.623 triệu đồng
- Chi phí khác : 6.701 triệu đồng
- Chi phí dự phòng : 12.988 triệu đồng”

- Điều chỉnh khoản 13 Điều 1:

“13. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách trung ương: 135.000.000.000 đồng

Đầu tư: chi phí chuẩn bị đầu tư; chi phí xây dựng các hạng mục công trình đầu mối thiết yếu phục vụ cho vùng sản xuất (Trạm bơm cấp nước; kênh cấp nước; nạo vét kênh Hào Đề nhỏ) và chi phí dự phòng tương ứng.

- Ngân sách địa phương: 76.500.000.000 đồng

Đầu tư: chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí xây dựng các hạng mục công trình sản xuất (Hệ thống cấp điện trạm bơm; nâng cấp đê bờ Đông Kênh 13); chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư; chi phí khác và chi phí dự phòng tương ứng.

(Tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư chi tiết tại Phụ lục kèm theo)”

- Bổ sung khoản 18 vào Điều 1:

“18. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.”

2. Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Quyết định số 4667/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Phùng Đức Tiến;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, TCTS (06 bản);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp